

Bản án số: 369/2017/HS-ST

Ngày: 30-11-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Lan.

Bà Vương Thị Minh Tân.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Thủy - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên toà: Bà Mai Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017 tại Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 357/2017/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 357/2017/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2017, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T** - sinh năm 1978 tại tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: Số 10/29/455 đường C, phường T, thành phố Đ, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn C và bà: Nguyễn Thị B; chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 28-12-2012 UBND tỉnh Nam Định quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng.

- Ngày 10-01-2017 và 12-01-2017 bị Công an phường Thống Nhất, thành phố Nam Định xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19-9-2017, sau đó chuyển tạm giam từ ngày 22-9-2017 cho đến nay tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố Nam Định; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Nguyễn Trung H - sinh năm 1999.

Địa chỉ: Số 26/659 đường C, phường L, thành phố Đ, tỉnh Nam Định.

Anh Nguyễn Trung H vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị T - sinh năm 1960.

Nơi cư trú: Số 2 đường B, phường B, thành phố Đ, tỉnh Nam Định.

Chị Lê Thị T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 14-9-2017, Nguyễn Văn T đi bộ lang thang trên các tuyến phố thành phố Nam Định mục đích tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đi đến trước cửa số nhà 26 ngõ 659 đường C, phường L, thành phố Đ, phát hiện có 01 chiếc xe đạp cùng 01 chiếc xe máy điện hiệu HTC 133S của anh Nguyễn Trung H, sinh năm 1999, trú tại: số 26/659 đường C, phường L, thành phố Đ đang để trước cửa nhà, xe không khóa, không có người trông coi. T cúi người đi đến đuôi chiếc xe máy điện rồi dùng tay trái cầm vào tay nắm điều khiển của xe, tay phải đặt vào yên xe dắt lùi chiếc xe máy điện ra ngõ 703 đường C, phường L, thành phố Đ rồi tẩu thoát theo hướng ngã tư đường C + T + V về đường B. Sau đó, T mang chiếc xe máy điện vào cửa hàng cầm đồ N, địa chỉ: Số 2 đường B, phường B, thành phố Đ và bán cho chủ cửa hàng là chị Lê Thị T, sinh năm 1960 với giá 2.000.000 đồng (T không nói cho chị T biết về nguồn gốc chiếc xe). Số tiền trên T đã sử dụng, tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 19-9-2017 Nguyễn Văn T đã ra đầu thú tại cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Nam Định. Ngày 19-9-2017 khi biết chiếc xe máy điện đang sử dụng là tài sản do Nguyễn Văn T trộm cắp, chị Lê Thị T đã mang chiếc xe máy điện giao nộp cho cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Nam Định.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Nam Định xác định: Chiếc xe máy điện là vật chứng của vụ án trị giá 8.075.000 đồng (tám triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho anh Nguyễn Trung H. Anh H đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì khác.

Về dân sự: Chị Lê Thị T yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 2.000.000 đồng. Hiện tại bị cáo chưa bồi thường tiền trên cho chị T.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Nam Định và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 367/QĐ-KSĐT ngày 30-10-2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa thể hiện hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù. Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho chị Lê Thị T số tiền 2.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn T nói lời sau cùng: Xin Hội đồng giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T, bị hại là anh Nguyễn Trung T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị T không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn T phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 12 giờ ngày 14-9-2017 Nguyễn Văn T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe máy điện hiệu HTC 133S trị giá 8.075.000 đồng của anh Nguyễn Trung H tại khu vực trước cửa số nhà 26/659 đường C, phường L, thành phố Đ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Tài sản bị chiếm đoạt có tổng trị giá 8.075.000 đồng. Như vậy hành vi của bị cáo đã

phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về các tình tiết giảm nhẹ: Sau khi thực hiện tội phạm bị cáo đã ra đầu thú, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Về hình phạt: Xét bị cáo là đối tượng có nhân thân xấu, đã bị xử lý vi phạm hành chính nhiều lần nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội thể hiện bản chất coi thường pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn để xử phạt bị cáo nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Hiện tại bị cáo Nguyễn Văn T chưa bồi thường cho chị Lê Thị T số tiền 2.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho chị Lê Thị T số tiền trên.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- *Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.*

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 15 tháng tù (mười năm tháng tù). Thời hạn tù tính từ ngày 19-9-2017.

2. Trách nhiệm dân sự:

- *Áp dụng điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999:*

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho chị Lê Thị T số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị Lê Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bị cáo Nguyễn Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí:

- *Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.*

Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Bị cáo Nguyễn Văn T được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại là anh Nguyễn Trung H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị T được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định (02 bản);
- Công an TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Thị Thu Định

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

